TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **312/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2023
V/v Yêu cầu không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trần Duy Viễn.

2. Ông: Phạm Văn Ninh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Yên Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc "*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;
- *Bị đơn*: Bà Ma Thị H, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ma Thị H chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Việc chung sống trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, đến năm 2005 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, khi mâu thuẫn xảy ra ông và bà Ma Thị H đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông và bà H không quan tâm gì đến nhau. Nay ông xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết không công nhận giữa ông và bà Ma Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Ma Thị H có 02 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1999, hiện

đã trưởng thành, đủ khả năng tự lực, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn bà Ma Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Ma Thị Hđều không có mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định bà Ma Thị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, hiện đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về địa phương. Ngoài ra Tòa án đã nhiều lần tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà Ma Thị H vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy thuộc trường hợp cố tình trốn tránh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị H chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau nên quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị H là vợ chồng. Về con chung, tài sản và vay nợ chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Ma Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị H quen biết và tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị H không đăng ký kết hôn theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: "*Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định... Mọi nghi thức kết hôn khác đều không*

có giá trị pháp lý". Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị H không đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị H chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do vậy cần xử không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị H là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn T xác định có 02 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1999, cả hai con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và vay nợ chung*: Ông Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 53 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* **Tuyên xử**:

- *Về quan hệ hôn nhận*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Ma Thị Hợp.

- *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006414, ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Bà Ma Thị Hkhông phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Văn T và Bà Ma Thị Hđược quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục T.H.A DS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Kim Quan (Nơi ĐKKH),
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Văn Tuyến

\